

**VN-Index** **1749.3 (-1.09%)**

701 Tr. cổ phiếu 15470.2 Tỷ VND (1.26%)

**HNX-Index** **268.66 (-1.10%)**

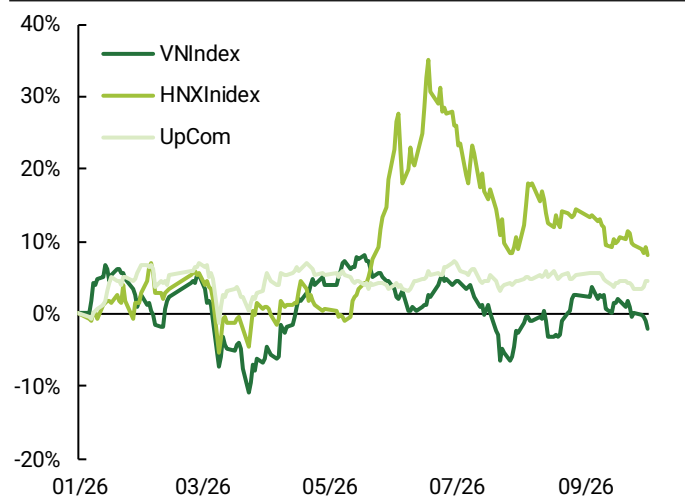
43 Tr. cổ phiếu 653.6 Tỷ VND (7.36%)

**UPCOM-Index** **126.52 (0.17%)**

77 Tr. cổ phiếu 3727.7 Tỷ VND (550.29%)

**VN30F1M** **1895.00 (-0.70%)**

213,215 HD OI: 38,128 HD

**% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số**

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1749.3, giảm -19.3 điểm (-1.09%). Thanh khoản đi ngang phiên trước với độ rộng nghiêng về bên bán. Đà giảm ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực từ nhóm vốn hóa lớn tiếp tục gia tăng sức ép lên chỉ số, dẫn đầu là họ Vin, bên cạnh nhóm Ngân hàng. Sắc xanh từ các ngành riêng lẻ chưa đủ sức chống đỡ.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: MSN (+2.8%), HAG (+4.6%), HSL (+6.9%) | Dầu khí: PVD (+0.3%), PLX (+2.9%) | Y tế: DCL (+6.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VIC (-3.5%), TCH (-2.2%), VPI (-1.5%) | Ngân hàng: STB (-5.0%), LPB (-4.5%), SSB (-2.7%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-5.5%), GEX (-1.5%), HAH (-1.3%) | Dịch vụ tài chính: TCX (-2.2%), VIX (-1.2%), VND (-1.1%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | TCB, MSN, HDB, PLX, VBB - Chiều giảm | VIC, STB, LPB, BID, VCB.
- Khối ngoại Bán ròng hơn 70 tỷ đồng, tập trung nhiều ở TCB, MSB, VNM, trong khi mua ròng SBT, VHM, HDB.

**GÓC NHÌN KỸ THUẬT**

- **VN-Index** nổi dài đà giảm, xác nhận phá vỡ mốc hỗ trợ 1770 điểm. Đà giảm khả năng mở rộng về khu vực 1700 - 1720 điểm. Các chỉ báo động lượng chưa đạt mức quá bán, hàm ý dư địa giảm vẫn còn. Dù vậy, với thanh khoản vẫn ở mức thấp, kỳ vọng lực cầu bắt đáy có thể giữ vững mốc hỗ trợ tại ngưỡng 1700 điểm. Nếu mốc này tiếp tục bị xuyên thủng, ngưỡng kỹ thuật cần chú ý tiếp theo là khu vực 1650 điểm, tương ứng đáy tháng 7. Chiều ngược lại, kháng cự gần giờ là mốc tâm lý 1800 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số lùi về dưới ngưỡng hỗ trợ quan trọng 270 điểm, song thanh khoản thấp chưa xác nhận áp lực bán. Nếu phiên kế tiếp giá không thể lấy lại ngưỡng này, đà giảm sẽ xác nhận và gia tăng điều chỉnh về ngưỡng 260.
- **Chiến lược:** Chỉ số đã đánh mất ngưỡng hỗ trợ quan trọng, NĐT nên chủ động đưa tỷ trọng danh mục về mức trung bình. Tuy nhiên, do dòng tiền vẫn phân hóa nên quản trị theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu. Hạ bớt vị thế ở các mã đã đánh mất các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, trong khi chỉ nên ưu tiên nắm giữ các mã vẫn còn giữ được cấu trúc xu hướng. Nhóm ngành nổi bật: Bán lẻ, Vận tải-Cảng, Hóa chất.

**CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ**

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số                      | % Thay đổi   |        |        |        | % Biến động giá trị giao dịch so với |                |                    |                     | % Biến động khối lượng giao dịch so với |                |                    |                     |
|-----------------------------|--------------|--------|--------|--------|--------------------------------------|----------------|--------------------|---------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|---------------------|
|                             | Giá đóng cửa | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M | Giá trị giao dịch (Tỷ VND)           | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng | Khối lượng giao dịch (Triệu CP)         | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| <b>Theo chỉ số</b>          |              |        |        |        |                                      |                |                    |                     |                                         |                |                    |                     |
| VN-Index                    | 1,749.3 ▼    | -1.1%  | -1.5%  | -4.5%  | 15,470.2 ▲                           | 1.3%           | -7.4%              | -11.1%              | 700.8 ▲                                 | 1.8%           | 6.9%               | 8.6%                |
| HNX-Index                   | 268.7 ▼      | -1.1%  | -1.5%  | -5.7%  | 653.6 ▲                              | 7.4%           | 12.5%              | -43.7%              | 42.6 ▲                                  | 9.1%           | 18.0%              | -40.9%              |
| UPCOM-Index                 | 126.5 ▬      | 0.2%   | 0.5%   | -0.8%  | 3,727.7 ▲                            | 550.3%         | 149.9%             | 843.7%              | 76.6 ▲                                  | 210.9%         | -9.7%              | 142.2%              |
| VN30                        | 1,890.6 ▼    | -0.9%  | -2.2%  | -4.7%  | 8,333.2 ▬                            | 0.5%           | -10.2%             | -25.7%              | 253.5 ▼                                 | -0.8%          | -5.8%              | -19.3%              |
| VNMID                       | 1,838.8 ▼    | -0.4%  | -2.1%  | -6.9%  | 6,112.0 ▲                            | 1.8%           | 1.6%               | 13.0%               | 310.5 ▼                                 | -7.2%          | -0.5%              | 10.8%               |
| VNSML                       | 1,231.1 ▼    | -0.4%  | -0.3%  | -2.6%  | 742.0 ▲                              | 2.2%           | -41.4%             | 43.6%               | 65.8 ▲                                  | 28.0%          | -2.3%              | 67.2%               |
| <b>Theo ngành (VNIndex)</b> |              |        |        |        |                                      |                |                    |                     |                                         |                |                    |                     |
| Ngân hàng                   | 622.2 ▼      | -0.7%  | -1.12% | -3.2%  | 4,784.6 ▲                            | 2.9%           | -1.1%              | -2.1%               | 219.7 ▲                                 | 14.0%          | 1.0%               | 1.8%                |
| Bất động sản                | 952.6 ▼      | -2.4%  | -2.3%  | -6.9%  | 2,347.1 ▼                            | -15.3%         | 2.6%               | -19.8%              | 85.4 ▼                                  | -45.9%         | -19.7%             | -8.1%               |
| Dịch vụ tài chính           | 258.1 ▼      | -0.7%  | -3.8%  | -11.3% | 1,948.5 ▲                            | 27.3%          | 21.1%              | 8.8%                | 105.3 ▲                                 | 18.9%          | 15.3%              | 3.3%                |
| Công nghiệp                 | 237.9 ▼      | -1.5%  | 1.7%   | 3.0%   | 1,041.4 ▼                            | -13.1%         | -4.7%              | 6.1%                | 44.6 ▲                                  | 9.2%           | 9.6%               | 18.6%               |
| Tài nguyên cơ bản           | 446.5 ▼      | -0.5%  | -3.0%  | -8.5%  | 331.0 ▼                              | -44.7%         | -43.5%             | -37.3%              | 20.3 ▼                                  | -35.2%         | -37.2%             | -29.9%              |
| Xây dựng - Vật Liệu         | 152.6 ▼      | -1.1%  | -1.0%  | -3.3%  | 288.9 ▼                              | -51.1%         | -24.3%             | -21.2%              | 18.9 ▼                                  | -35.0%         | -16.4%             | -17.2%              |
| Thực phẩm                   | 488.0 ▬      | 0.4%   | -1.4%  | -3.0%  | 1,563.4 ▲                            | 111.1%         | 68.8%              | 64.4%               | 55.5 ▲                                  | 235.9%         | 101.4%             | 122.1%              |
| Bán Lẻ                      | 1,421.4 ▼    | -0.1%  | 0.6%   | -1.4%  | 757.9 ▲                              | 2.0%           | 30.6%              | 21.3%               | 9.0 ▼                                   | -11.4%         | 13.2%              | -6.5%               |
| Công nghệ                   | 371.3 ▼      | -0.5%  | -4.0%  | -6.0%  | 367.3 ▲                              | 42.3%          | 13.1%              | -29.3%              | 6.3 ▲                                   | 24.9%          | 4.0%               | -30.1%              |
| Hóa chất                    | 171.4 ▼      | -1.0%  | 0.2%   | 2.6%   | 331.5 ▼                              | -38.3%         | -20.9%             | -16.4%              | 12.5 ▼                                  | -31.1%         | -19.6%             | -19.2%              |
| Tiện ích                    | 762.9 ▼      | -0.1%  | 0.6%   | 0.3%   | 269.5 ▼                              | -40.8%         | -16.5%             | -10.9%              | 13.7 ▼                                  | -43.5%         | -14.3%             | 6.3%                |
| Dầu khí                     | 120.4 ▬      | 0.5%   | 4.3%   | 12.2%  | 814.5 ▲                              | 23.5%          | 7.57%              | 12.6%               | 31.3 ▲                                  | 36.7%          | 13.8%              | 20.5%               |
| Dược phẩm                   | 390.5 ▬      | 0.8%   | 0.8%   | -0.5%  | 75.1 ▲                               | 111.9%         | -2.6%              | -11.1%              | 2.9 ▲                                   | 61.0%          | 17.2%              | -7.0%               |
| Bảo hiểm                    | 114.1 ▼      | -0.1%  | 6.1%   | 12.9%  | 52.9 ▼                               | -56.2%         | -55.2%             | -19.4%              | 1.0 ▼                                   | -52.6%         | -46.5%             | -6.8%               |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,749.3 ▼    | -1.09%         | -2.0%  | 13.5x           | 2.0x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,564 ▬      | 0.31%          | 24.2%  | 14.7x           | 1.4x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 6,010 ▼      | -1.02%         | -30.5% | 13.4x           | 1.6x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 12,144 ▼     | -1.21%         | -1.3%  | 14.8x           | 1.4x |
| PSEi Index          | Phillipines | 5,629 ▼      | -0.88%         | -7.0%  | 8.5x            | 1.2x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,842 -      | -              | -3.2%  | 16.7x           | 1.5x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 24,613 -     | -              | -4.0%  | 12.2x           | 1.3x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 68,957 ▲     | 3.30%          | 37.0%  | 21.2x           | 2.9x |
| S&P 500             | Mỹ          | 7,652 ▼      | -0.25%         | 11.8%  | 26.2x           | 5.6x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 50,906 ▼     | -0.86%         | 5.9%   | 22.3x           | 5.6x |
| FTSE 100            | Anh         | 10,437 ▼     | -1.59%         | 5.1%   | 14.7x           | 2.3x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 6,217 ▼      | -0.83%         | 7.3%   | 17.0x           | 2.4x |
|                     |             |              |                |        |                 |      |
| DXV                 |             | 101.8 ▬      | 0.45%          | 3.6%   |                 |      |
| USDVND              |             | 25,974 ▬     | 0.039%         | -1.2%  |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

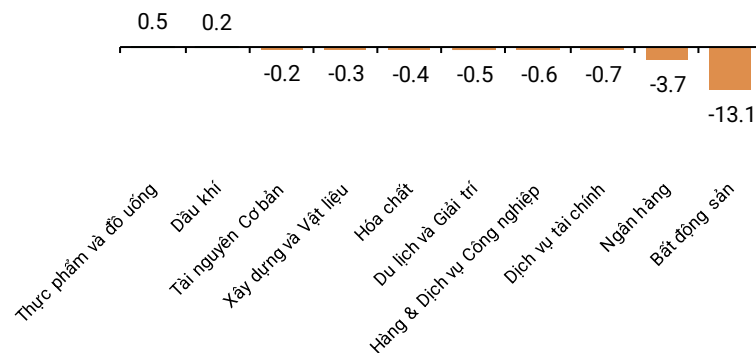
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |   | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|---|----------------|--------|--------|--------|
|                           |   | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | ▼ | -3.29%         | 5.8%   | 64.5%  | 53.2%  |
| Dầu WTI                   | ▲ | 1.45%          | 1.7%   | 59.8%  | 48.5%  |
| Khí gas                   | ▼ | -2.3%          | 1.8%   | -19.8% | -15.0% |
| Than cốc (*)              | ▬ | 0.0%           | 10.3%  | 48.6%  | 54.0%  |
| Thép HRC (*)              | ▬ | 0.0%           | -2.1%  | 0.9%   | -2.5%  |
| PVC (*)                   | ▬ | 0.0%           | 1.6%   | 6.4%   | 0.9%   |
| Phân Urea                 | ▬ | 0.0%           | 8.6%   | 22.8%  | 18.1%  |
| Cao su thiên nhiên        | ▼ | -1.3%          | 8.6%   | 42.0%  | 51.9%  |
| Bông Cotton               | ▬ | 0.0%           | -16.9% | 16.4%  | 18.4%  |
| Đường                     | ▲ | 6.9%           | 2.6%   | 25.5%  | 16.8%  |
| World Container Index     | ▼ | -0.8%          | -0.9%  | 100.4% | 151.8% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▲ | 1.0%           | 105.5% | 316.9% | 398.1% |
|                           |   |                |        |        |        |
| Vàng                      | ▬ | 0.31%          | -3.7%  | -3.4%  | 7.9%   |
| Bạc                       | ▬ | 0.65%          | -5.1%  | -15.1% | 28.5%  |

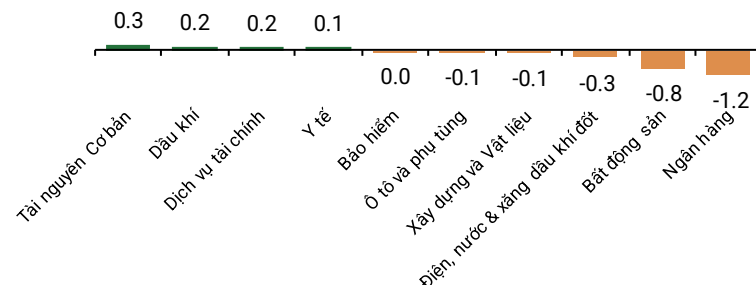
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

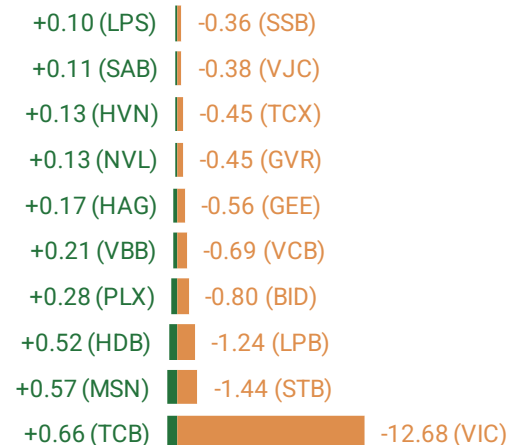
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



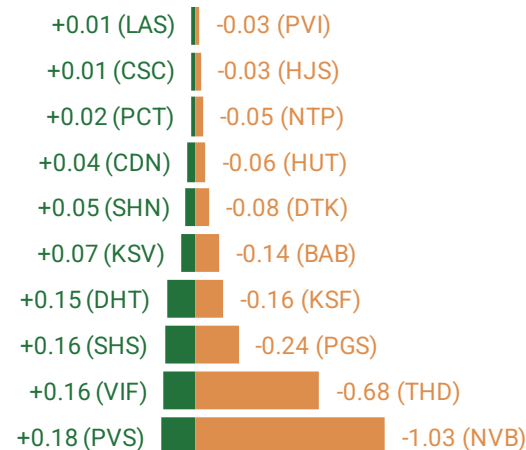
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

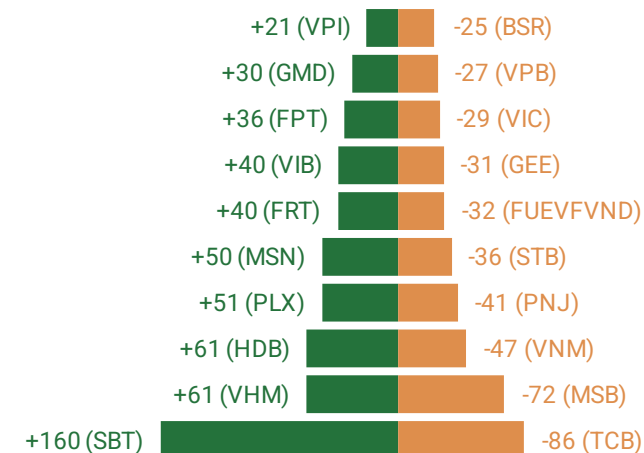


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

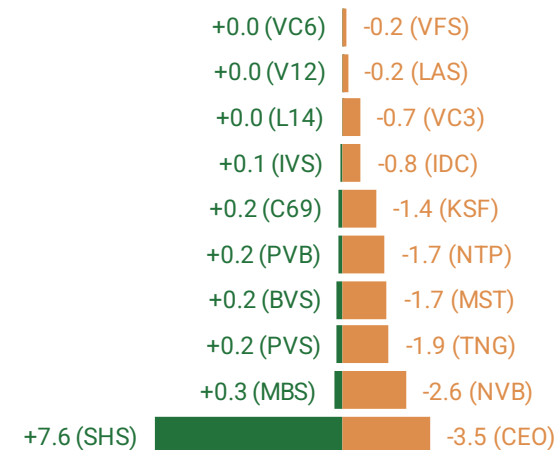


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

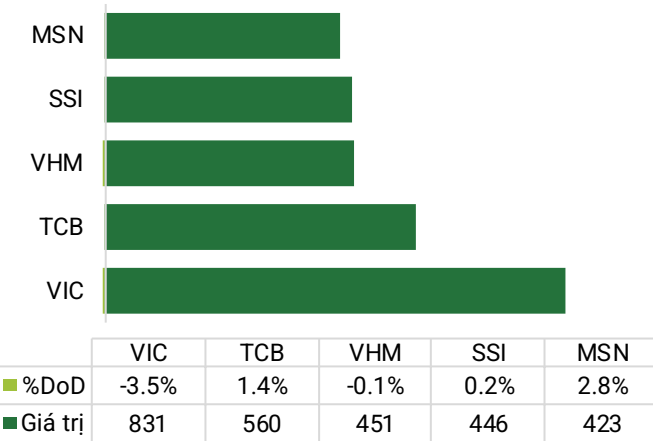
### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



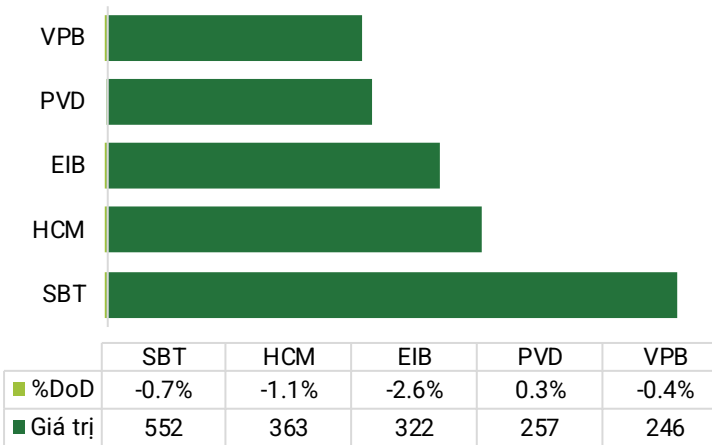
### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

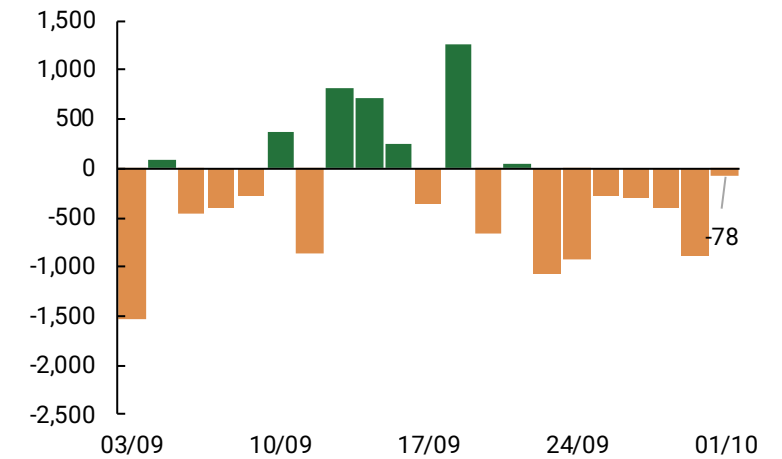


### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

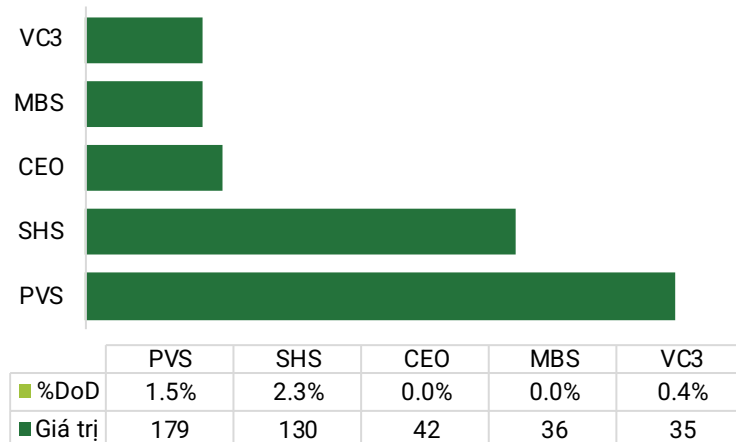


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

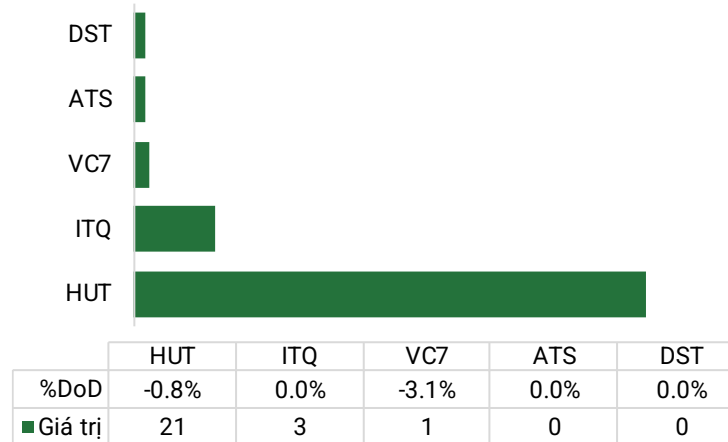
### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



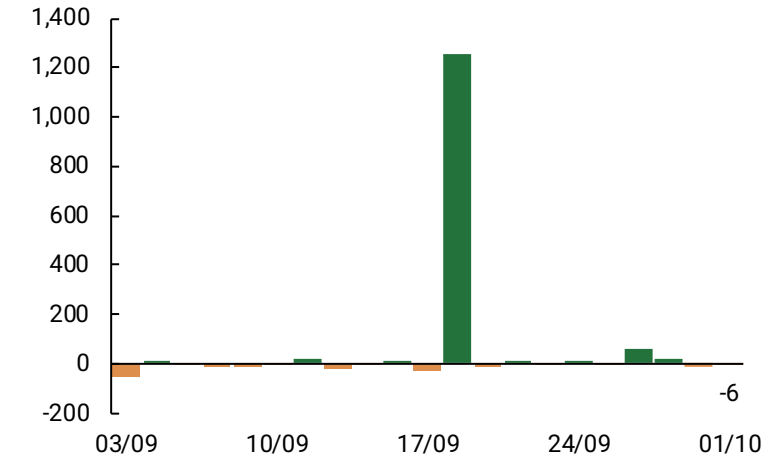
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX

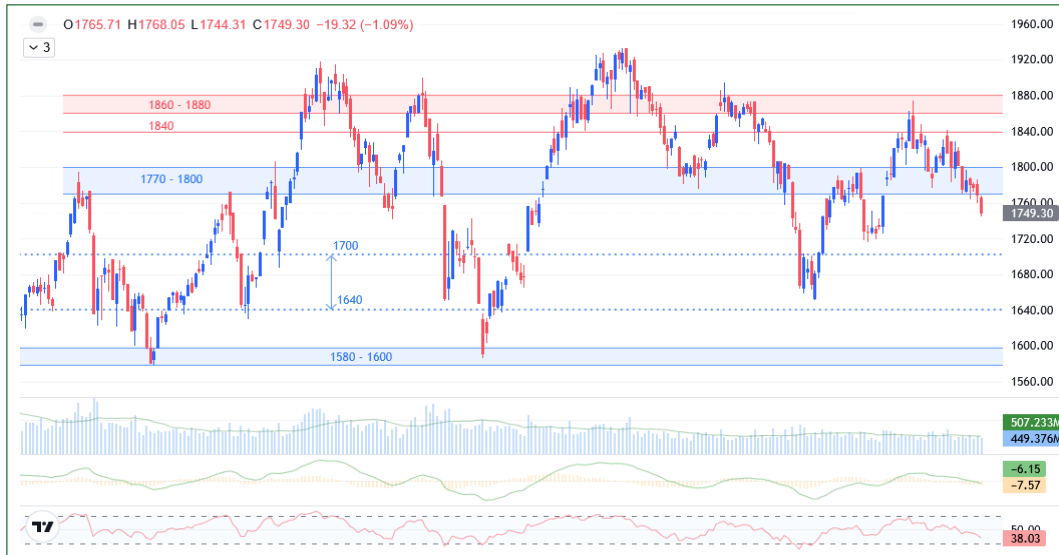


### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1720 | 1660.
- ✓ Kháng cự: 1800 | 1870.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

**Kịch bản:** Giá tạo nến đỏ nối tiếp đà giảm phiên trước, xác nhận mất mốc 1770 điểm. Đà giảm khả năng mở rộng về khu vực 1720 điểm. Thanh khoản ở mức thấp kỳ vọng lực cầu bắt đáy sẽ giữ vững được mốc hỗ trợ này. Chiều ngược lại, kháng cự gần giờ là ngưỡng tâm lý 1800 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 | 1860
- ✓ Kháng cự: 1950 | 2020.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ✓ **Kịch bản:** Giá không thể phục hồi lên trên ngưỡng 1920 điểm, xác nhận cho tín hiệu phá vỡ. Đà giảm khả năng mở rộng về khu vực 1860 điểm. Thanh khoản vẫn ở mức thấp, có thể kỳ vọng lực cầu giữ vững được mốc hỗ trợ này. Chiều ngược lại, kháng cự gần hiện quanh mốc 1950 điểm.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá hành động | LN/Lỗ thực hiện | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|-----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|-----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|

## Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1   | VTO   | Mua         | 28/09/2026       | -                         | 11.1         | 10.7 - 10.8   | 3.3%           | 11.8         | 9.8%       | 10.2       | -5.1%       |         |
| 2   | GVR   | Mua         | 30/09/2026       | -                         | 32.75        | 32.7 - 33.3   | -0.8%          | 36.5         | 10.6%      | 31         | -6.1%       |         |



### Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1895, giảm 13.4 điểm (-0.7). Giá phục hồi đầu phiên nhưng áp lực điều chỉnh trở lại áp đảo hoàn toàn trong phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI đã chạm mức quá bán, bên cạnh giá tạo mẫu hình nến Hammer về cuối phiên, hàm ý lực cầu bắt đáy có thể xuất hiện. Tuy nhiên, xu hướng lớn hiện nghiêng về điều chỉnh, nên chiều Long cần tín hiệu xác nhận đủ mạnh. Theo đó, vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1906. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1889.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1794.5, giảm 11.9 điểm (-0.7%). Độ lệch basis 4.4 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 205 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1790 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1810 điểm.

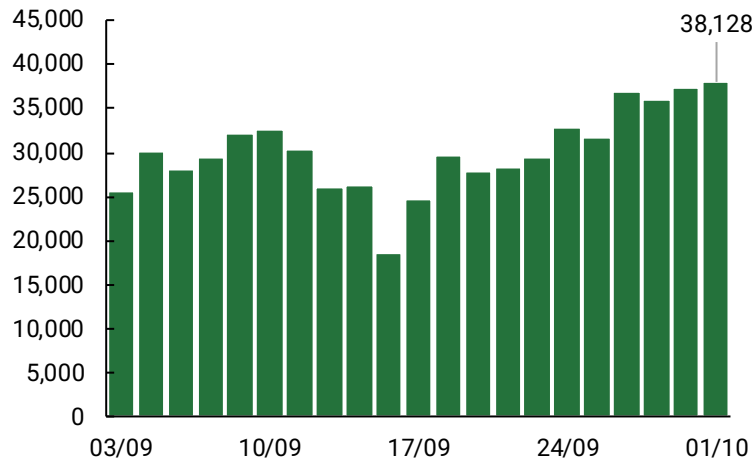
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|------------------|
| Short  | < 1889   | 1875     | 1896   | 14 : 7           |
| Long   | > 1906   | 1920     | 1898   | 14 : 8           |

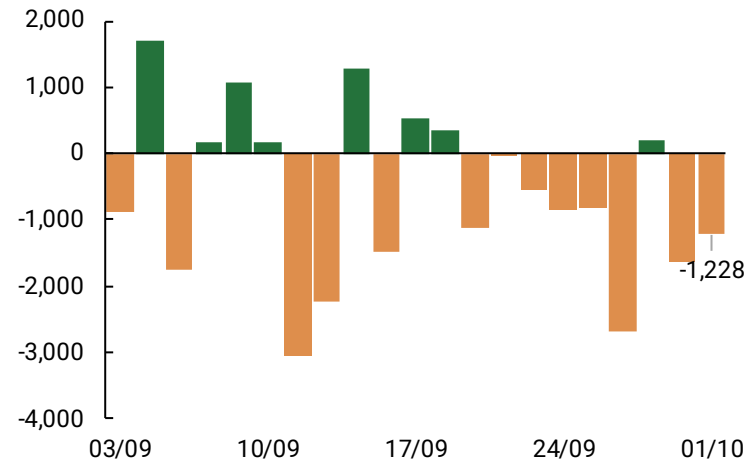
### Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| 411H3000    | 1,887.5      | -19.5           | 33           | 316    | 1,906.0       | -18.5      | 18/03/2027      | 168                     |
| 411GC000    | 1,897.5      | -14.3           | 48           | 762    | 1,897.6       | -0.1       | 17/12/2026      | 77                      |
| 411GB000    | 1,890.7      | -10.3           | 399          | 1,249  | 1,895.1       | -4.4       | 19/11/2026      | 49                      |
| 411GA000    | 1,895.0      | -13.4           | 213,215      | 38,128 | 1,891.9       | 3.1        | 15/10/2026      | 14                      |
| 4112GA000   | 1,794.5      | -11.9           | 105          | 153    | 1,791.3       | 3.2        | 15/10/2026      | 14                      |

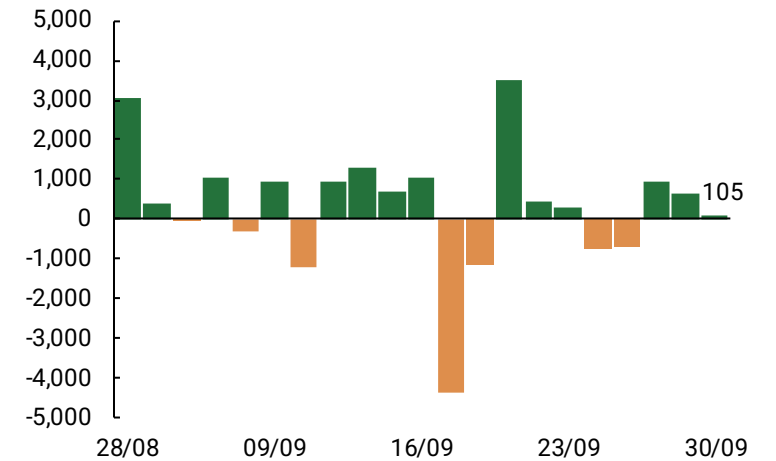
Khối lượng mở (Open interest)



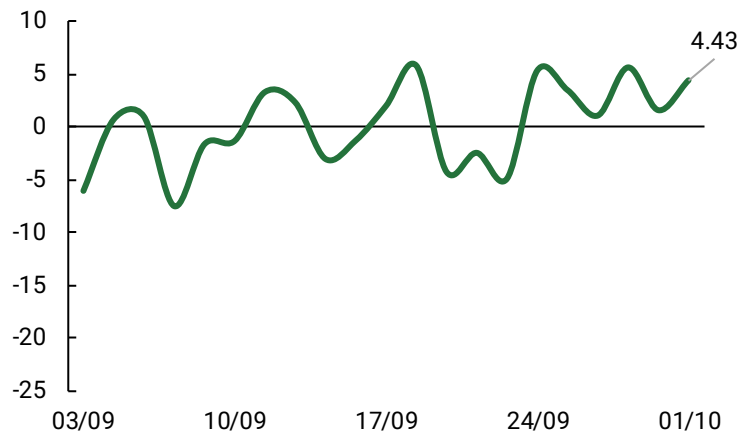
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại  
(Hợp đồng)



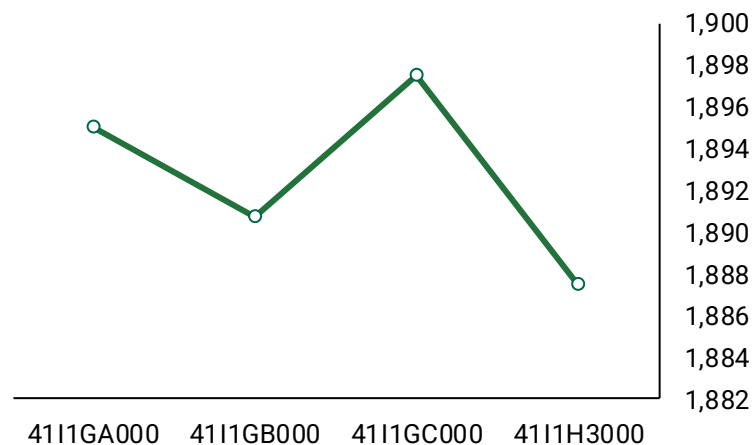
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh  
(Hợp đồng)



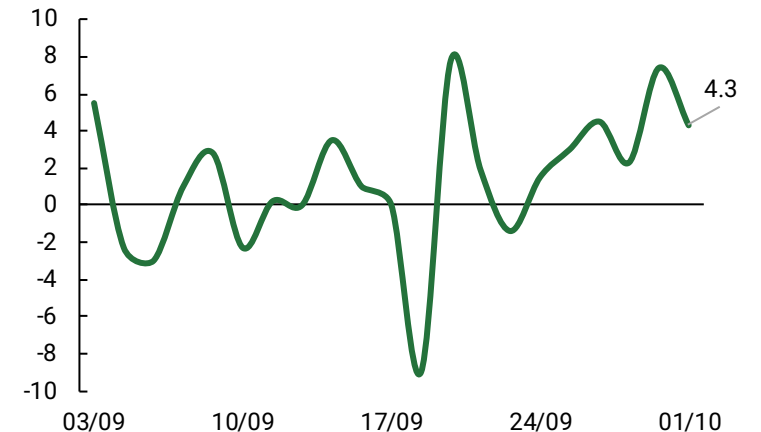
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



|            |                                                                                    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| 01/10      | Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI                                          |
| 02/10      | Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp                                 |
| 06/10      | Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội quý 3/202                                      |
| 07/10      | Việt Nam – FTSE Russell công bố xếp hạng thị trường                                |
| 14/10      | Trung Quốc – Lạm phát, PPI                                                         |
| 14 – 15/10 | Mỹ – Chỉ số CPI<br>Mỹ – Chỉ số PPI                                                 |
| 15/10      | Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100                                                |
| 19/10      | Trung Quốc – GDP Q3, Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ                         |
| 20/10      | Trung Quốc – Lãi suất LPR<br>Việt Nam – Hạn BCTC quý 3/2026 đơn lẻ                 |
| 29/10      | Mỹ – Fed công bố lãi suất, GDP Q3 lần đầu, Chỉ số PCE<br>EU – ECB công bố lãi suất |
| 30/10      | Việt Nam – Danh mục HNX30 có hiệu lực; Hạn BCTC quý 3/2026                         |

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Đề xuất tăng lương tối thiểu bình quân 7.8% từ đầu năm 2027:** Bộ Nội vụ hoàn thiện dự thảo Nghị định điều chỉnh lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng, dự kiến áp dụng từ ngày 01/01/2027. Mức lương tối thiểu bình quân được đề xuất tăng 7.8%, tương đương 310,000–390,000 đồng/tháng. Theo đó, vùng I tăng lên 5.7 triệu đồng/tháng, vùng II 5.08 triệu đồng, vùng III 4.45 triệu đồng và vùng IV 4.04 triệu đồng/tháng.

**Mỹ - Trung thảo luận thương mại, công nghệ và AI tại Nhà Trắng:** Ngày 24/9, Tổng thống Donald Trump đón Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại Nhà Trắng trong chuyến thăm Mỹ đầu tiên của ông Tập sau hơn một thập kỷ. Ông Trump cho biết hai bên đã đạt tiến triển trong xử lý các vấn đề song phương và đang hướng tới quan hệ thương mại cân bằng hơn, bao gồm mở cửa thêm thị trường cho hàng hóa Mỹ. Hai nhà lãnh đạo cũng thảo luận về an ninh, công nghệ và trí tuệ nhân tạo.

**TP.HCM đầu tư hơn 7,688 tỷ đồng cải thiện thoát nước Tây Sài Gòn:** UBND TP.HCM phê duyệt dự án cải thiện hệ thống thoát nước, nước thải và thích ứng biến đổi khí hậu tại lưu vực Tây Sài Gòn, với tổng mức đầu tư khoảng 7,688 tỷ đồng. Trong đó, vốn vay ADB khoảng 5,056 tỷ đồng và vốn đối ứng khoảng 2,633 tỷ đồng. Dự án triển khai giai đoạn 2024–2029 trên diện tích khoảng 528,000 m<sup>2</sup>, nhằm giảm ngập, ô nhiễm môi trường và nâng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**TLG - Kokuyo chốt 28 tỷ JPY để thu mua Thiên Long:** Tập đoàn Kokuyo của Nhật Bản phê duyệt khoản đầu tư 28 tỷ JPY, tương đương khoảng 180 triệu USD, vào Synergy Investing ASIA - pháp nhân được lập để thực hiện thương vụ thu mua Thiên Long. Theo kế hoạch, Kokuyo sẽ mua lại cổ đông đang sở hữu 46.82% cổ phần TLG, sau đó chào mua công khai thêm tối đa 18.19% để nâng tổng sở hữu lên trên 65%.

**MSR - Elmet đã mua xong 4.99% cổ phần:** Sáng 1/10, cổ phiếu MSR xuất hiện giao dịch thỏa thuận 55.14 triệu cổ phiếu với tổng giá trị gần 3,240 tỷ đồng, tương ứng giá gần 58,800 đồng/cp. Khối lượng này bằng đúng lượng cổ phiếu Masan đăng ký chuyển nhượng cho The Elmet Group, tương đương 4.99% vốn MSR. Giao dịch nằm trong kế hoạch tái cấu trúc sở hữu, tăng free-float và hướng tới niêm yết MSR trên HOSE.

**VHM - Huy động thành công 8,000 tỷ đồng trái phiếu:** Vinhomes phát hành 80,000 trái phiếu mã VHML12618, mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu, với tổng giá trị phát hành 8,000 tỷ đồng. Lô trái phiếu có kỳ hạn 24 tháng, dự kiến đáo hạn ngày 24/9/2028, được phát hành nhằm thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp.

**KAI - Chào bán thêm 125 triệu cổ phiếu giá 15,000 đồng/cp:** Chứng khoán Kafi chốt giá chào bán thêm 125 triệu cổ phiếu ở mức 15,000 đồng/cp, cao hơn khoảng 27% so với thị giá KAI cuối phiên 30/9. Nếu phân phối hết, công ty dự kiến thu về 1,875 tỷ đồng, trong đó khoảng 1,312.5 tỷ đồng bổ sung cho hoạt động cho vay ký quỹ và 562.5 tỷ đồng dành cho tự doanh.

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| BSR   | 31,350  | 31,150       | -0.6%               | Giảm tỷ trọng |
| CTG   | 30,050  | 40,700       | 35.4%               | Mua           |
| CTD   | 59,300  | 82,900       | 39.8%               | Mua           |
| DBD   | 46,750  | 66,000       | 41.2%               | Mua           |
| DDV   | 16,063  | 35,900       | 123.5%              | Mua           |
| DGW   | 45,200  | 47,500       | 5.1%                | Nắm giữ       |
| DPG   | 26,600  | 42,300       | 59.0%               | Mua           |
| DPR   | 38,450  | 46,500       | 20.9%               | Mua           |
| DRI   | 15,671  | 17,200       | 9.8%                | Nắm giữ       |
| EVF   | 11,500  | 14,400       | 25.2%               | Mua           |
| FRT   | 146,600 | 151,000      | 3.0%                | Nắm giữ       |
| GMD   | 78,500  | 92,400       | 17.7%               | Tăng tỷ trọng |
| HAH   | 51,500  | 58,300       | 13.2%               | Tăng tỷ trọng |
| HDG   | 15,250  | 30,900       | 102.6%              | Mua           |
| HHV   | 8,950   | 11,700       | 30.7%               | Mua           |
| HPG   | 20,050  | 28,700       | 43.1%               | Mua           |
| IMP   | 36,500  | 54,400       | 49.0%               | Mua           |
| KDH   | 15,150  | 38,800       | 156.1%              | Mua           |
| MCH   | 138,900 | 148,500      | 6.9%                | Nắm giữ       |
| MWG   | 72,600  | 115,600      | 59.2%               | Mua           |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MBB   | 19,550  | 27,500       | 40.7%               | Mua           |
| NLG   | 21,850  | 39,400       | 80.3%               | Mua           |
| NT2   | 21,950  | 27,700       | 26.2%               | Mua           |
| PHR   | 33,850  | 39,500       | 16.7%               | Tăng tỷ trọng |
| PNJ   | 24,750  | 75,500       | 205.1%              | Mua           |
| PVS   | 34,000  | 33,250       | -2.2%               | Giảm tỷ trọng |
| PVT   | 23,750  | 26,000       | 9.5%                | Nắm giữ       |
| POW   | 12,900  | 17,500       | 35.7%               | Mua           |
| SAB   | 43,300  | 54,900       | 26.8%               | Mua           |
| SSI   | 20,150  | 31,200       | 54.8%               | Mua           |
| TLG   | 54,200  | 50,000       | -7.7%               | Giảm tỷ trọng |
| TCB   | 33,000  | 41,700       | 26.4%               | Mua           |
| TCM   | 15,450  | 35,300       | 128.5%              | Mua           |
| TRC   | 24,250  | 22,950       | -5.4%               | Giảm tỷ trọng |
| VCB   | 57,600  | 79,700       | 38.4%               | Mua           |
| VPB   | 23,300  | 28,960       | 24.3%               | Mua           |
| VCG   | 13,650  | 23,300       | 70.7%               | Mua           |
| VHC   | 49,900  | 58,000       | 16.2%               | Tăng tỷ trọng |
| VNM   | 58,600  | 66,650       | 13.7%               | Tăng tỷ trọng |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801